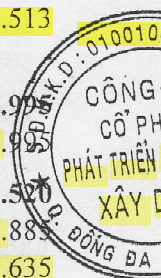


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		463.466.740.616	399.430.167.236
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.292.560.044	13.634.794.272
1. Tiền	111		21.292.560.044	13.634.794.272
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.573.019.267	3.199.560.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.186.346.667	4.048.550.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.613.327.400)	(848.990.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.043.100.049	225.064.604.449
1. Phải thu khách hàng	131		175.178.100.942	120.621.486.733
2. Trả trước cho người bán	132		93.238.978.484	92.835.364.203
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	31.559.532.063	11.607.753.513
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.933.511.440)	
IV. Hàng tồn kho	140		141.348.018.709	152.726.626.995
1. Hàng tồn kho	141	5.4	141.348.018.709	152.726.626.995
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.210.042.547	4.804.581.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		88.416.403	145.964.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.121.626.144	4.658.616.635
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.049.083.302	44.249.410.604
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.431.914.647	20.851.108.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	9.440.993.992	7.810.187.963
Nguyên giá	222		27.884.698.860	22.778.824.289
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.443.704.868)	(14.968.636.326)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	12.327.280.000	12.377.280.000
Nguyên giá	228		12.577.280.000	12.577.280.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.000.000)	(200.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	663.640.655	663.640.655
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	18.417.000.000	19.067.000.000
1. Nguyên giá	241		19.500.000.000	19.500.000.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.083.000.000)	(433.000.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.469.710.400	544.378.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	534.378.000	534.378.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	6.935.332.400	10.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.730.458.255	3.786.923.986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	5.470.458.255	3.786.923.986
3. Tài sản dài hạn khác	268		260.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		517.515.823.918	443.679.577.840



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		470.390.407.928	398.592.278.002
I. Nợ ngắn hạn	310		430.074.709.812	359.921.654.159
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	54.818.509.538	51.883.184.721
2. Phải trả người bán	312		177.608.332.688	204.159.630.221
3. Người mua trả tiền trước	313		150.340.294.315	59.341.708.413
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	15.670.119.421	24.118.911.579
5. Phải trả người lao động	315		771.186.858	66.421.269
6. Chi phí phải trả	316	5.15	9.044.852.612	8.851.586.719
7. Phải trả nội bộ	317		17.163.566	17.163.566
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	20.809.806.286	11.046.887.963
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		994.444.528	436.159.708
II. Nợ dài hạn	330		40.315.698.116	38.670.623.843
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	39.916.452.651	38.271.378.378
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		399.245.465	399.245.465
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		47.125.415.990	45.087.299.838
I. Vốn chủ sở hữu	410		47.125.415.990	45.087.299.838
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18	2.950.728.000	2.568.728.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.18	6.282.793.436	2.707.122.895
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.18	861.175.237	293.390.417
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18	12.030.719.317	14.518.058.526
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		517.515.823.918	443.679.577.840

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5. Ngoại tệ các loại
 USD

TM	31/12/2010	01/01/2010
	1.089,21	1.088,12



Hoàng Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2011

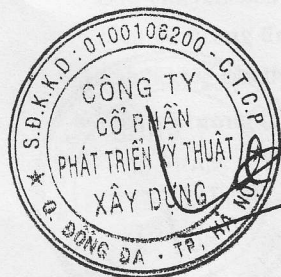
Nguyễn Thị Hồng Hà

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		495.466.713.509	523.014.996.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	495.466.713.509	523.014.996.276
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	477.252.420.252	501.137.530.977
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.214.293.257	21.877.465.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	7.096.893.615	2.437.271.386
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.479.822.077	1.049.280.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.723.893.578	8.202.553.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.107.471.217	15.062.903.214
11. Thu nhập khác	31		3.500.000	728.552.571
12. Chi phí khác	32		-	650.527.262
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.500.000	78.025.309
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.110.971.217	15.140.928.523
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	1.777.742.804	1.345.131.229
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.333.228.413	13.795.797.294
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.133	5.518



Hoàng Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2011

Nguyễn Thị Hồng Hà

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.110.971.217	15.140.928.523
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.654.774.935	4.382.557.071
- Các khoản dự phòng	03	10.697.848.840	779.867.038
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(6.386.746)	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.090.506.869)	(1.923.562.565)
- Chi phí lãi vay	06	998.535.077	6.804.094.227
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	16.365.236.454	25.183.884.294
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(75.635.016.549)	6.108.785.349
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	11.378.108.286	28.668.785.850
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	72.517.329.355	(50.421.332.919)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.625.985.787)	(1.317.233.383)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.936.788.241)	(6.804.094.227)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.345.452.979)	(654.207.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	60.739.860
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(67.225.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.717.430.539	758.101.704
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.585.580.964)	(29.437.102.126)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	728.552.571
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.527.629.067)	(15.949.521.195)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	517.950.000	13.542.061.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	60.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.037.056.869	1.155.991.581
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.558.203.162)	(29.899.768.169)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	382.000.000	296.464.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.580.399.090	275.714.061.990
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(253.682.097.781)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.470.247.441)	(2.203.115.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.492.151.649	20.125.312.716
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	7.651.379.026	(9.016.353.749)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.634.794.272	22.651.148.021
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.386.746	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	21.292.560.044	13.634.794.272



Hoàng Văn Châu
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2011

Nguyễn Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng